

Số: **823** /QĐ-UBND

Ia Grai, ngày **17** tháng **7** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao biên chế công chức và hợp đồng lao động
theo Nghị định số: 68/2000/NĐ-CP cho các cơ quan chuyên môn
thuộc Ủy ban nhân dân huyện năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008;

Căn cứ Nghị định số: 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số: 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 130/2005/NĐ-CP; Nghị định số: 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan, hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số: 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Thông tư số: 15/2001/TT-BTCCBCP ngày 11/4/2001 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Thông tư số: 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều quy định tại Nghị định số: 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số: 2052/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Nội vụ về phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số: 136/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2019;

Căn cứ Quyết định số: 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Văn bản số: 1831/SNV-TCBC ngày 21/12/2018 của Sở Nội vụ về việc thực hiện Nghị quyết số: 136/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số: 68/2000/NĐ-CP năm 2019 cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, như sau:

1. Biên chế công chức: 81 biên chế;

2. Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 05 chỉ tiêu;

(có bảng phân bổ chi tiết kèm theo)

Điều 2. Phòng Nội vụ huyện có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm soát các cơ quan chuyên môn thực hiện nghiêm túc việc tuyển dụng, sử dụng biên chế hiệu quả, đúng vị trí việc làm, đúng nhu cầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số: 83/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc giao biên chế công chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số: 68/2000/NĐ-CP cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện năm 2019. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (b/c);
- TTr. HU (b/c);
- TTr. HĐND huyện (b/c);
- Lưu VT, Trang QLVBĐH. *dek*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



★ Dương Mah Tiệp

BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO
NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CHO CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 823 /QĐ-UBND ngày 17 /...7..../2019 của Ủy ban nhân dân huyện Ia Grai)



STT	TÊN ĐƠN VỊ	NĂM 2019		
		Tổng số	Trong đó:	
			Biên chế công chức	HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP
Tổng cộng:		86	81	5
1.	Phòng Nội vụ	8	8	0
2.	Phòng Tài chính - Kế hoạch	8	8	0
3.	Phòng LĐ - TB và Xã hội	7	6	1
4.	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	5	5	0
5.	Phòng Tư pháp	3	3	0
6.	Phòng Dân tộc	4	4	0
7.	Phòng Giáo dục và Đào tạo	6	6	0
8.	Phòng Y tế	2	2	0
9.	Phòng Tài nguyên và Môi trường	7	7	0
10.	Thanh tra huyện	4	4	0
11.	Phòng NN&PTNT	6	6	0
12.	Phòng Văn hóa và Thông tin	5	5	0
13.	Văn phòng HĐND và UBND	21	17	4

Đang Quy